TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Kim Kết
Ông Nguyễn Hoài Phong
- T ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là T ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Anh N, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Đức A, xã Tân T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Đức, xã Tân T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Ngô Anh N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Ngô Anh N và chị Nguyễn Thị Minh T chung sống vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay anh N xin ly hôn chị T.
- Về con chung: Ngô Kiến V (nam), sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Thục K (nữ), sinh ngày 28/3/2019 đang do chị T nuôi dưỡng, khi ly hôn anh N đồng ý giao hai con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Ngô Anh N có đơn xin vắng mặt; chị Nguyễn Thị Minh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Ngô Anh N và chị Nguyễn Thị Minh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đ, huyện Đầm D vào ngày 30/6/2015 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh N có yêu cầu ly hôn, chị T không có ý kiến. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N được ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay hai con chung của anh chị đang do chị T nuôi dưỡng ổn định, anh N đồng ý giao hai con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Kiến V cũng có nguyện vọng sống cùng chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao hai cháu Kiến V và Thục K cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng: Chị T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh N xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Anh N, cho anh Ngô Anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung Ngô Kiến V (nam), sinh ngày 09/4/2016 và Ngô Thục K (nữ), sinh ngày 28/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Minh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Ngô Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Ngô anh N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0012060 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh N và chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Uỷ ban nhân dân xã Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án V.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung